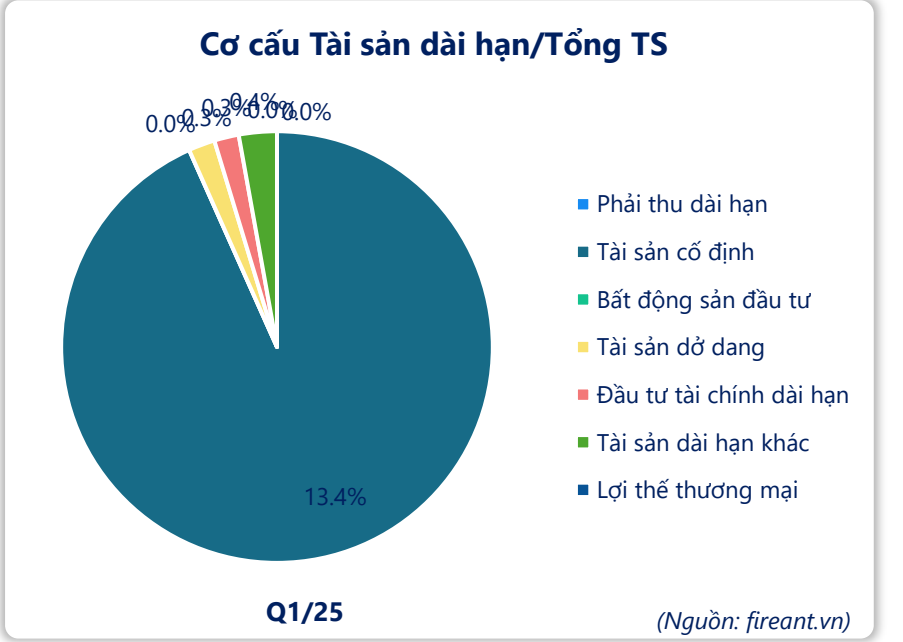
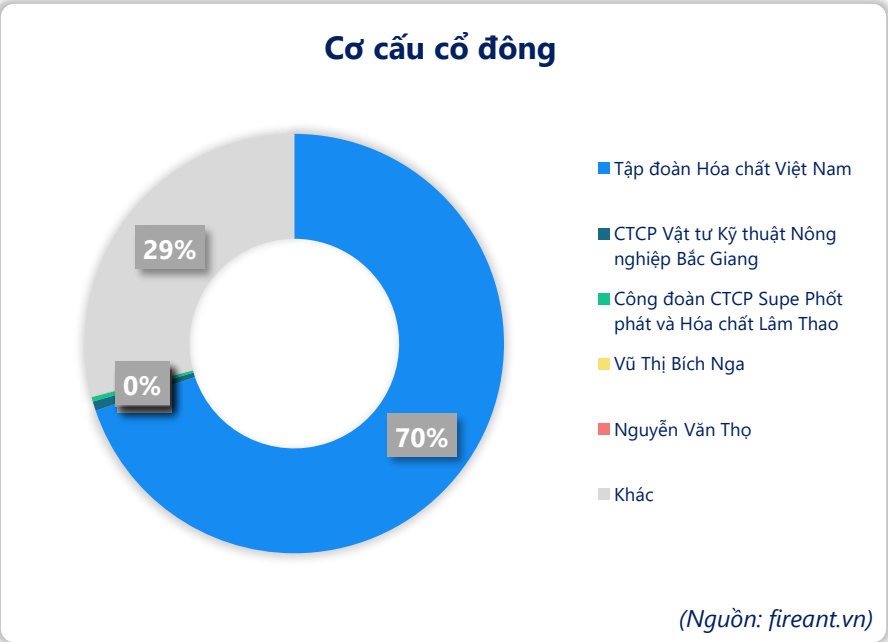
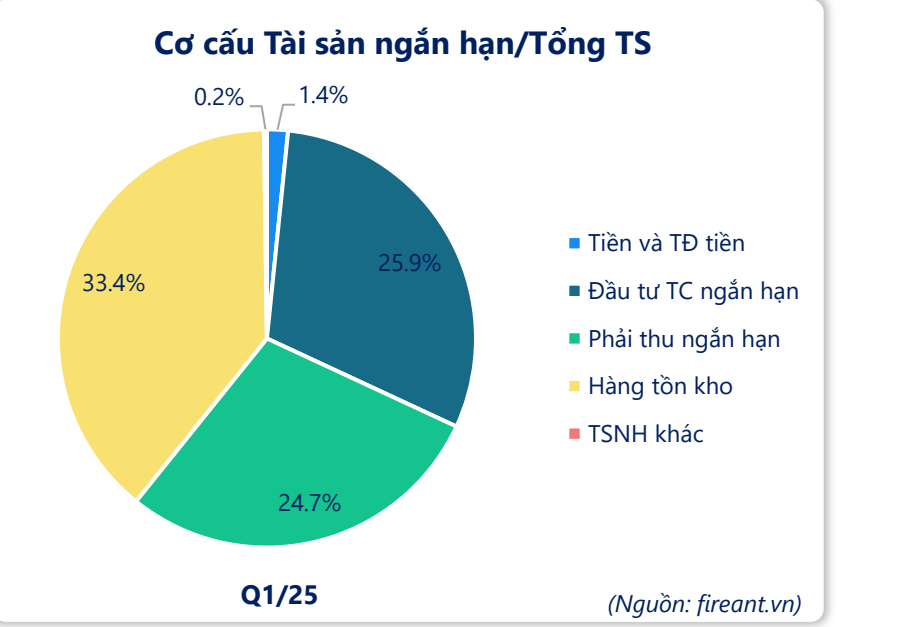
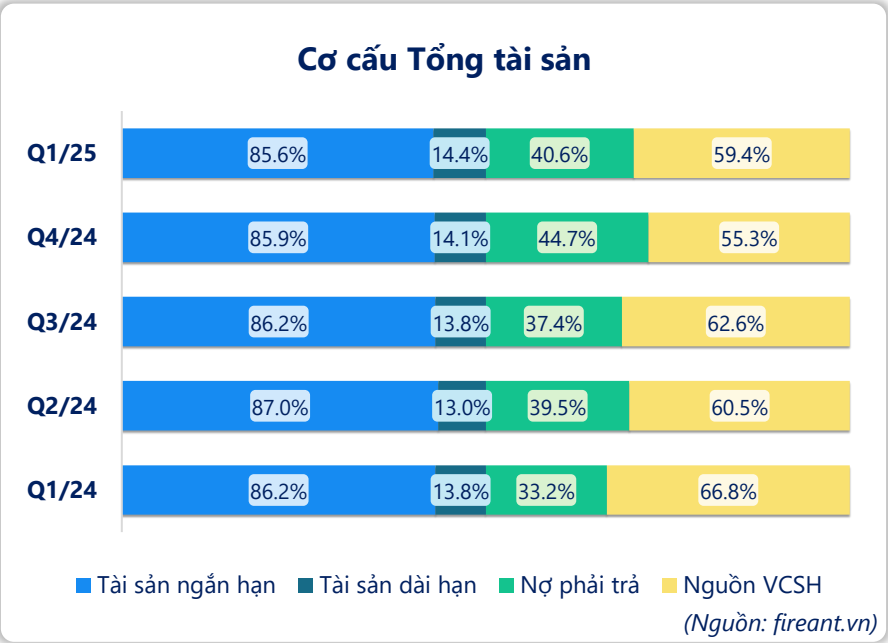
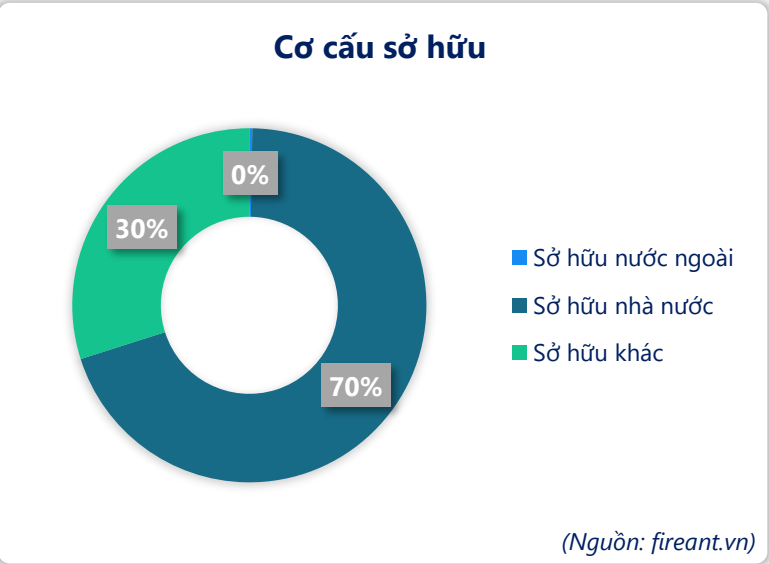
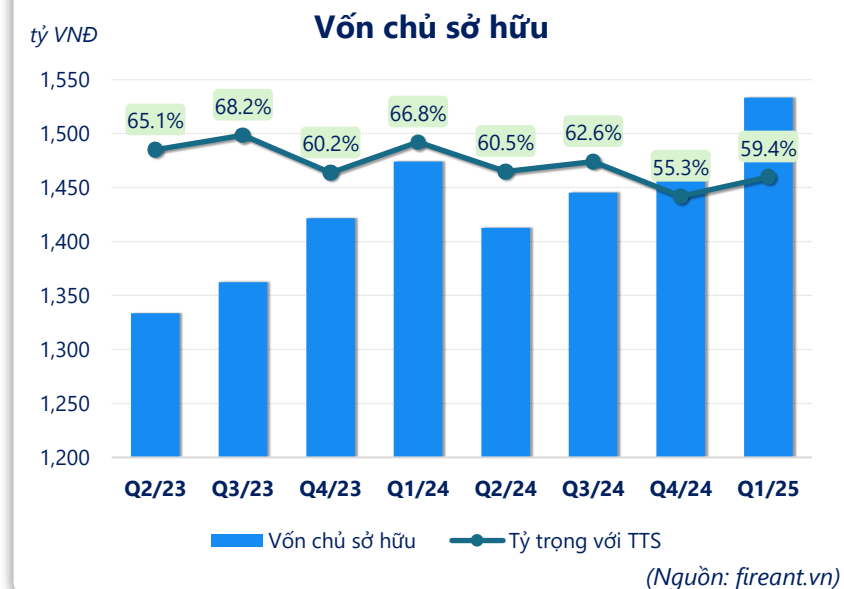
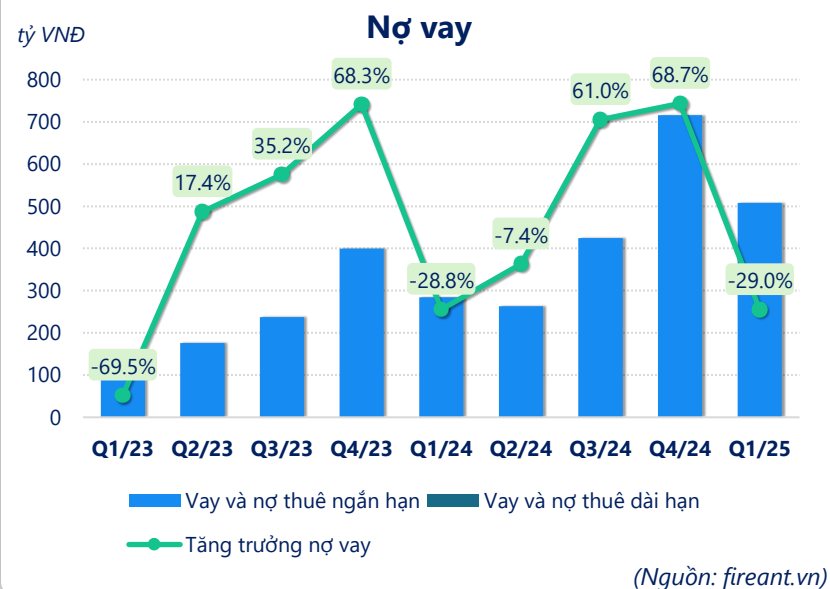
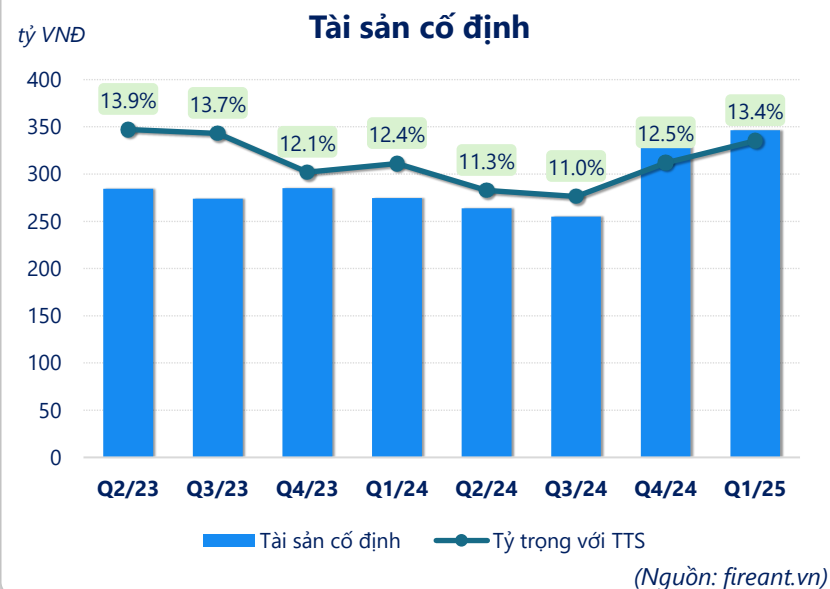
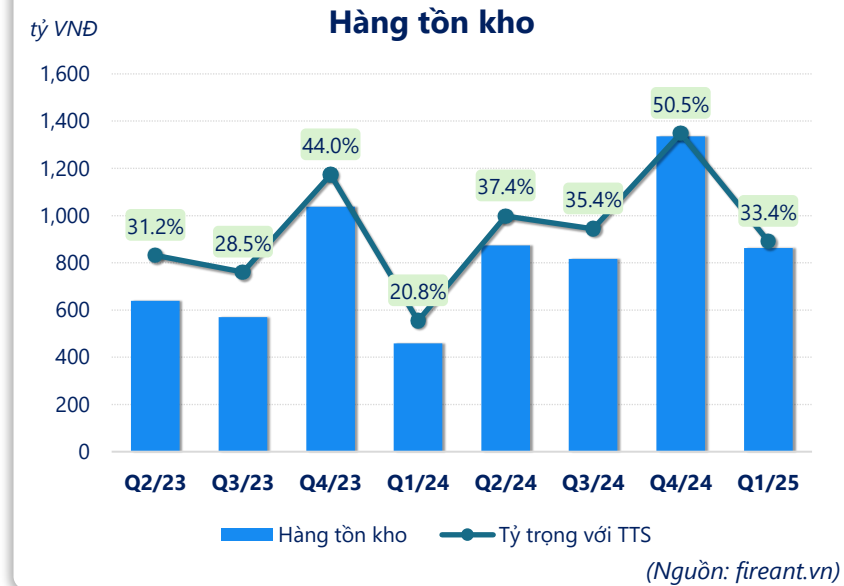
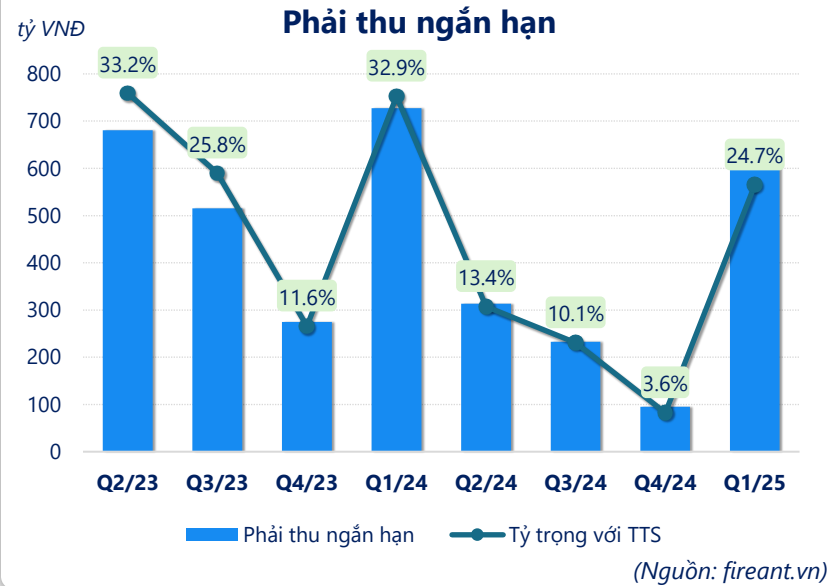
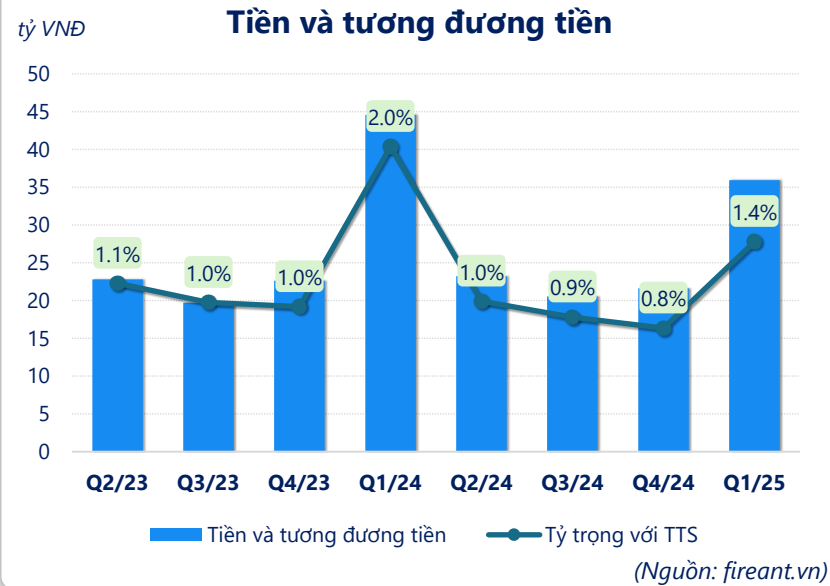
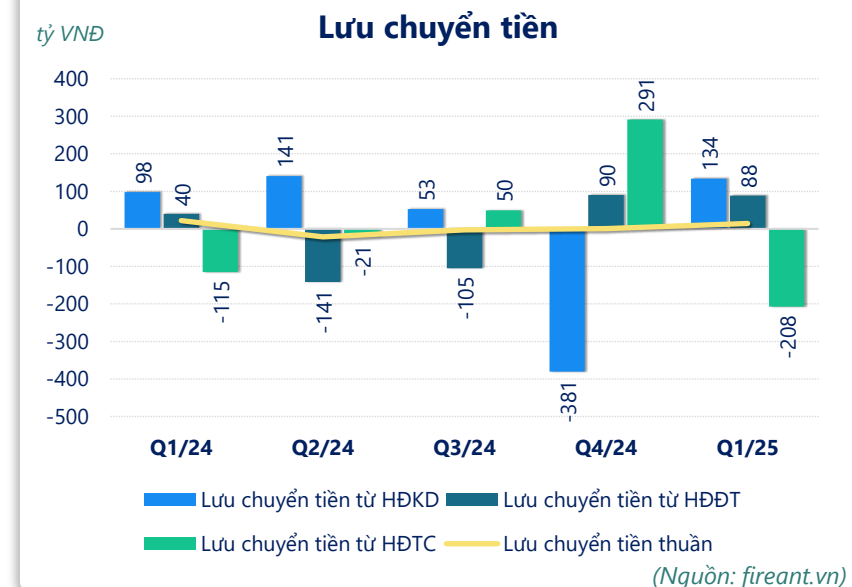
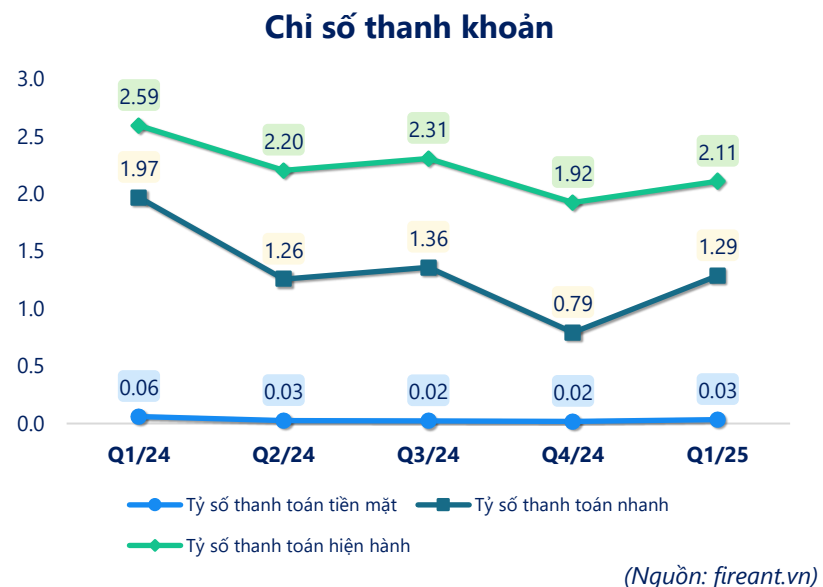
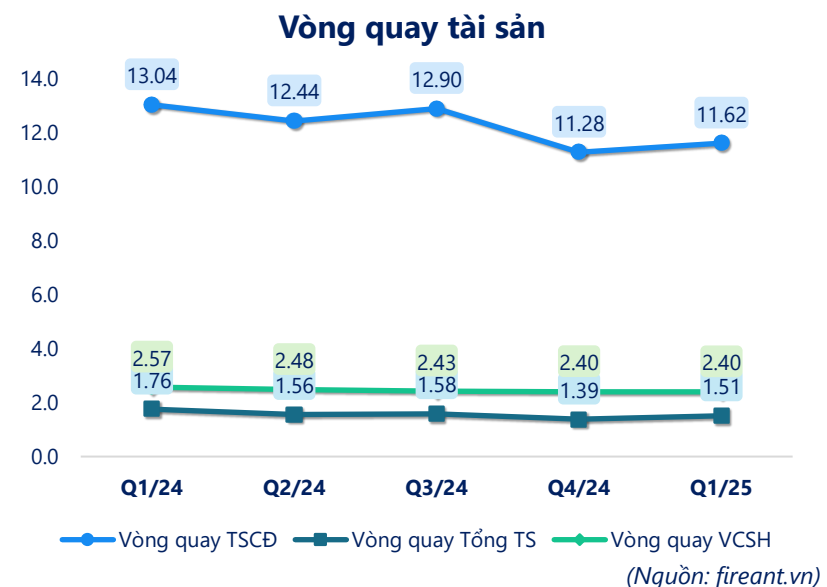
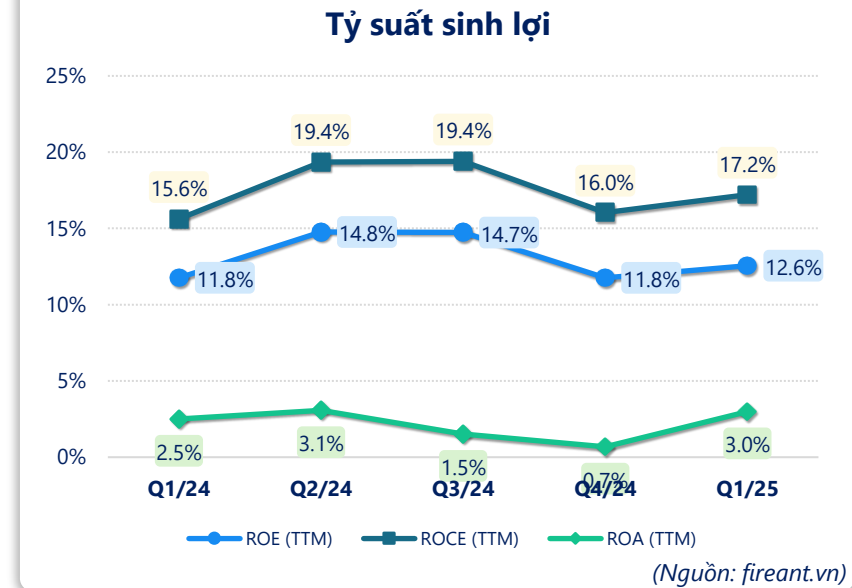
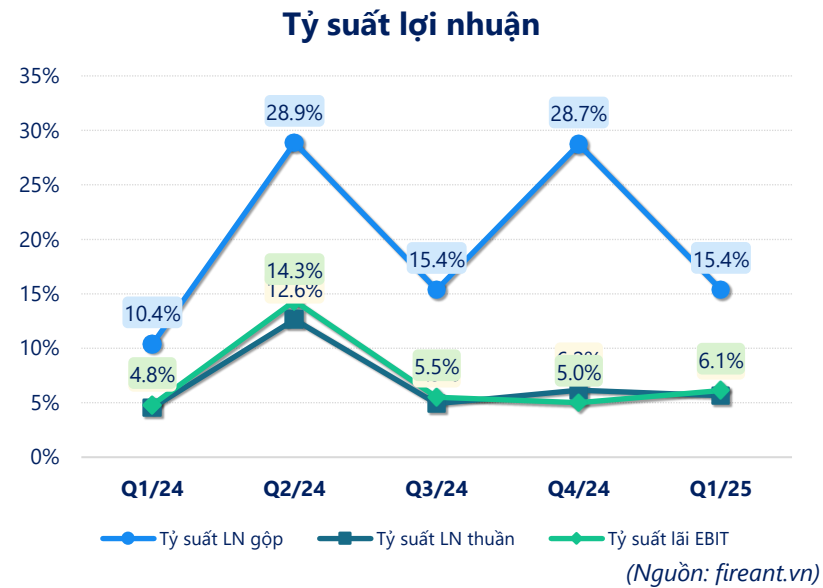
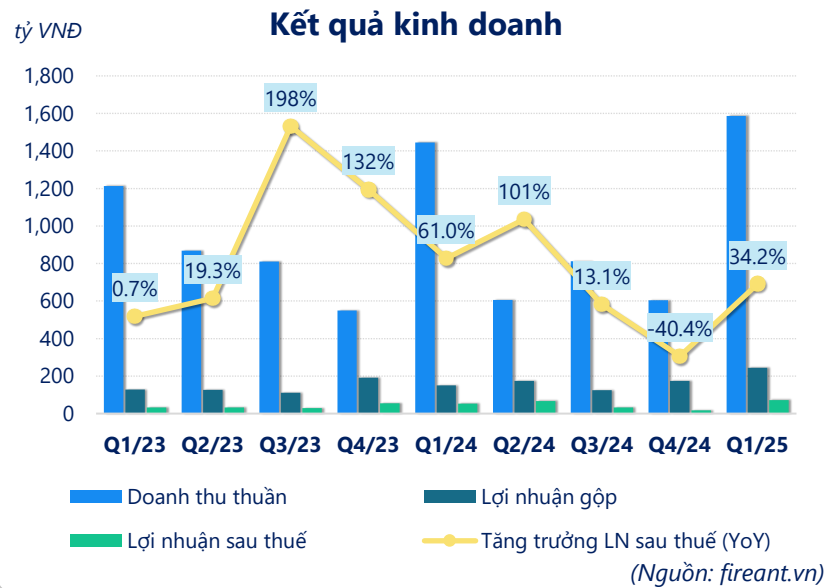


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,277
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,769
SL cổ phiếu LH		112,856,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)		442,520
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,043
P/E		10.8
EPS		1,673

	YTD	1T	3T	6T
LAS	-15.8%	-8.1%	-18.1%	-20.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,582	2,643	-2.3%
Tài sản ngắn hạn	2,211	2,271	-2.6%
Tiền và tương đương tiền	35.9	21.6	66.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	670	815	-17.8%
Phải thu ngắn hạn	638	95.2	570%
Hàng tồn kho	862	1,336	-35.4%
Tài sản ngắn hạn khác	4.96	3.60	37.9%
Tài sản dài hạn	371	371	-0.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	346	330	5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.37	23.1	-68.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.84	6.84	0.0%
Tài sản dài hạn khác	10.6	11.8	-10.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,049	1,181	-11.2%
Nợ ngắn hạn	1,049	1,181	-11.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	508	716	-29.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	242	265	-8.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,533	1,461	4.9%
Vốn chủ sở hữu	1,533	1,461	4.9%
Vốn điều lệ	1,129	1,129	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	1,444	605	812	604	1,586
Giá vốn hàng bán	1,294	430	687	431	1,342
Lợi nhuận gộp	150	175	125	173	244
Doanh thu HĐTC	6.27	10.4	3.55	11.5	5.75
Chi phí TC	3.93	3.23	4.03	6.45	7.37
Chi phí lãi vay	3.53	2.57	4.03	4.92	7.34
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	36.8	46.6	41.1	64.2	61.4
Chi phí QLDN	49.7	58.7	43.2	77.1	91.1
LN thuần từ HĐKD	65.7	76.4	40.0	37.2	89.7
Lợi nhuận khác	0.19	7.76	0.75	-11.8	0.03
LN trước thuế	65.8	84.2	40.8	25.4	89.7
Lợi nhuận sau thuế	52.5	67.3	32.7	17.1	71.8
LNST của CĐ cty mẹ	52.5	67.3	32.7	17.1	71.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	97.6	141	52.6	-381	134
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	39.6	-141	-105	90.1	88.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-115	-20.9	49.7	291	-208
Tiền đầu kỳ	22.6	44.6	23.2	20.6	21.6
Lưu chuyển tiền thuần	21.9	-21.3	-2.68	1.04	14.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.01	0
Tiền cuối kỳ	44.6	23.2	20.6	21.6	35.9

(Nguồn: fireant.vn)